

**BÀI 1 - TÍNH TUỔI THEO SỐ NGÀY**

**Mô tả bài toán:** Đọc một giá trị số nguyên tương ứng với độ tuổi của một người (tính theo ngày) và in ra tuổi đã quy đổi thành năm, tháng và ngày, tiếp theo là thông báo tương ứng "nam", "thang", "ngày".  
Lưu ý: Đây chỉ là một bài tập nhằm mục đích kiểm tra khả năng tính toán toán học. Nên để tạo thuận lợi cho tính toán, chúng ta giả thuyết rằng mỗi năm có đúng 365 ngày và mỗi tháng có đúng 30 ngày.

**Dữ liệu vào (TUOI.INP):** Đầu vào gồm 1 giá trị số nguyên là số ngày tuổi.

**Dữ liệu ra (TUOI.OUT):** In ra tuổi đã quy đổi theo yêu cầu của đề bài.

TUOI.INP	TUOI.OUT
400	1 nam 1 thang 5 ngày
800	2 nam 2 thang 10 ngày
30	0 nam 1 thang 0 ngày

**BÀI 2 - PHÂN LOẠI TAM GIÁC - TRIANGLE**

**Mô tả bài toán:** Cho 3 độ dài 3 cạnh a, b, c. Kiểm tra xem 3 cạnh này có phải là một tam giác hay không. Nếu là ba cạnh của tam giác thì kiểm tra tam giác vừa được tạo thành là loại tam giác nào và in ra: TAM GIAC THUONG, TAM GIAC CAN, hoặc TAM GIAC VUONG

Nếu ba cạnh nhập vào không phải là ba cạnh của tam giác. In ra màn hình KHONG PHAI TAM GIAC

**Dữ liệu vào (TRIANGLE.INP):** gồm 3 giá trị số nguyên.

**Dữ liệu ra (TRIANGLE.OUT):** In ra kết quả kiểm tra theo quy ước của đề bài.

TRIANGLE.INP	TRIANGLE.OUT
3 4 5	TAM GIAC VUONG
1 2 3	KHONG PHAI TAM GIAC

**BÀI 3 - TIỀN ĐIỆN NHÀ DAN**

**Mô tả bài toán:** Nhà DAN sẽ tính tiền điện như sau:

- Nếu số điện < 50 thì đơn giá sẽ là 100.
- Nếu số điện >= 50 và < 1000 thì đơn giá sẽ là 500.
- Nếu số điện >= 1000 và < 10000 thì đơn giá sẽ là 1000.
- Nếu số điện >= 10000 thì đơn giá là 1200.

Tháng này nhà DAN dùng hết n số điện, hãy tính tiền điện DAN phải trả. (0 ≤ n ≤ 10^7).

**Dữ liệu vào (TIENDIEN.INP):** n số điện mà nhà Dan đã dùng.

**Dữ liệu ra (TIENDIEN.OUT):** Số tiền mà nhà Dan phải trả.

TIENDIEN.INP	TIENDIEN.OUT
10	10000

**BÀI 4 - TÍNH HÓA ĐƠN MUA HÀNG - RECEIPT**

**Mô tả bài toán:** Trong vấn đề này, nhiệm vụ của bạn là tính hóa đơn mua hàng gồm 2 loại hàng. Bạn cần đọc mã của sản phẩm 1, số đơn vị của sản phẩm 1, giá của một đơn vị sản phẩm 1, mã sản phẩm 2, số đơn vị sản phẩm 2 và giá Cho một đơn vị sản phẩm 2. Sau đó, tính và cho biết số tiền phải trả.

**Dữ liệu vào (RECEIPT.INP):** Đầu vào gồm hai dòng dữ liệu. Trong mỗi dòng sẽ có 3 giá trị: hai số nguyên và một giá trị thực với 2 chữ số sau dấu phẩy.

**Dữ liệu ra (RECEIPT.OUT):** Đầu ra phải là một thông báo như ví dụ sau đây, trong đó "VALOR A PAGAR:" có nghĩa là "Thành tiền". Hãy nhớ khoảng trống sau ":" và sau biểu tượng "R\$". Giá trị phải được trình bày với 2 chữ số thập phân.

RECEIPT.INP	RECEIPT.OUT
12 1 5.30 16 2 5.10	VALOR A PAGAR: R\$ 15.50
13 2 15.30 161 4 5.20	VALOR A PAGAR: R\$ 51.40
1 1 15.10 2 1 15.10	VALOR A PAGAR: R\$ 30.20

## BÀI 5 - Ổ CẮM ĐIỆN - POWER SOCKET

**Mô tả bài toán:** Cuối cùng, nhóm từ trường đại học đã có đủ điều kiện để tham dự vòng chung kết của Marathon Lập trình SBC. Ba thành viên của đội và huấn luyện viên của họ đại diện cho trường đại học, chuẩn bị cho chuyến đi của họ đến São Paulo, nơi sẽ được tổ chức các trận chung kết.

Họ sẽ mang theo tất cả các thiết bị điện tử: điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay, modem wifi, máy ảnh, ... và sẽ cần một số ổ điện để kết nối tất cả các thiết bị này. Họ được cho biết rằng bốn người sẽ ở cùng phòng khách sạn, nhưng được thông báo rằng trong mỗi phòng chỉ có một ổ cắm điện có sẵn. Ba thành viên của đội và huấn luyện viên đã mua mỗi người một dây cắm điện, để nối chung vào ổ cắm phòng khách sạn; Chúng cũng có thể được nối với nhau để tăng thêm số lượng các thiết bị sử dụng. Bạn hãy viết một chương trình, xác định số lượng thiết bị tối đa có thể được cắm nguồn cùng lúc.

**Dữ liệu vào (OCAM.INP):** bốn số nguyên  $T_1$ ,  $T_2$ ,  $T_3$ ,  $T_4$ , là số đầu ra của mỗi dây cắm ( $2 \leq T_i \leq 6$ ).

**Dữ liệu ra (OCAM.OUT):** số lượng thiết bị tối đa có thể được cắm nguồn trong cùng một thời điểm.

OCAM.INP	OCAM.OUT
2 4 3 2	8
6 6 6 6	21
2 2 2 2	5

## BÀI 6 - GHÉP ĐÔI - PAIRING

**Mô tả bài toán:** Vì thấy lớp Tin học của mình hơi trầm nên Nobita quyết định tổ chức trò chơi ghép đôi cho các bạn cùng lớp. Vì số lượng giữa trai và gái trong lớp không thể đều nhau được thậm chí là có thể lệch nhau khá nhiều. Nobita muốn ghép đôi sao cho được nhiều cặp 1 nam 1 nữ nhất có thể. Nếu không được thì đồng giới đành phải ghép đôi với nhau. Nobita là người tính toán rất chậm. Bạn hãy giúp Nobita xem lớp của Nobita sẽ ghép được mấy cặp "1 nam 1 nữ" và mấy cặp đồng giới.

**Dữ liệu vào (PAIRING.INP):** 1 dòng duy nhất chứa 2 số nguyên  $x, y$  ( $0 \leq x, y \leq 100$ ) với  $x$  là số lượng nam,  $y$  là số lượng nữ trong lớp Nobita.

**Dữ liệu ra (PAIRING.OUT):** In ra 2 số nguyên. Số nguyên đầu tiên là số cặp "1 nam 1 nữ". Số nguyên thứ 2 là số cặp đồng giới. Mỗi giá trị phân biệt nhau bởi một dấu cách.

PAIRING.INP	PAIRING.OUT	Diễn giải kết quả
3 1	1 1	1 cặp nam nữ, 1 cặp đồng giới
2 3	2 0	2 cặp nam nữ, 0 cặp đồng giới
7 3	3 2	3 cặp nam nữ, 2 cặp đồng giới